

TAND TỈNH TUYÊN QUANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21/8/2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Văn Kim Đường;
- Ông Triệu Tiến Quang.

Thư ký phiên tòa: Ông Lò Là Cáo – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Chị Nông Thị N, sinh năm 2000, địa chỉ: Thôn T, xã T1, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt có lý do;
- Bị đơn:** Anh Lù Văn Th, sinh năm 1998, địa chỉ: Thôn T, xã T1, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lù Thị B, sinh năm: 1980, địa chỉ: Thôn T, xã T1, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2025, bản tự khai ngày 22/4/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nông Thị N trình bày:

Chị N và anh Lù Văn Th tự nguyện tìm hiểu nhau, yêu thương nhau được bố mẹ hai bên đồng ý chấp nhận cho lấy nhau, vợ chồng anh chị đi đăng ký kết hôn ngày 08/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện H, tỉnh Hà Giang (Nay là Ủy ban nhân dân xã T1, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi đăng ký kết hôn chị N anh Th về chung sống với nhau thành vợ thành chồng. Trong quá trình về chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, không có

tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể hòa hợp được làm cho tình cảm vợ chồng bị xứt mẻ, không còn tình cảm với nhau nữa. Vợ chồng chị N, anh Th đã ly thân được 03 năm nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N cảm thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Lù Văn Th. Về con chung: Vợ chồng có 01 (*Một*) con chung là cháu Lù Thị Ngọc L, sinh ngày 30/9/2019. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi cháu L, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị không tham gia các phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Th được, do đó chị N có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án, trong đó chị N xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần con chung, cụ thể chị N đề nghị giao cho anh Lù Văn Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lù Thị Ngọc L, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, các nội dung khác chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Chị N cam kết sẽ thi hành nghiêm chỉnh mọi quyết định của Tòa án.

Đối với bị đơn anh Lù Văn Th: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh Th đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh Th đều vắng mặt nên Tòa án đã xác minh sự vắng mặt của đương sự và được Công an xã T1, huyện H, tỉnh Hà Giang (*nay là Công an xã T1, tỉnh Tuyên Quang*) cho biết anh Lù Văn Th có hộ khẩu thường trú trên địa bàn thôn T, xã T1, huyện H, tỉnh Hà Giang (*nay thôn T, xã T1, tỉnh Tuyên Quang*), tuy nhiên hiện tại anh Th đang không có mặt tại địa phương nơi cư trú, khi đi khỏi địa bàn anh Th không làm các thủ tục về khai báo tạm vắng trên địa bàn hay tạm trú ở nơi khác, do đó Công an xã không nắm được tình hình cụ thể của anh Th đang sinh sống, làm việc tại đâu. Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Th không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lù Thị B, quá trình tố tụng tại Tòa án trình bày: Anh Lù Văn Th là con trai ruột của bà B, có đăng ký kết hôn với chị Nông Thị N, vợ chồng chung sống cùng nhà bà B. Khoảng 01 (*Một*) năm sau chị N đi làm ăn xa, đến cuối năm 2024 thì đến lượt anh Th đi tìm kiếm việc làm ở nơi khác không sinh sống tại địa phương nữa. Chồng bà B hiện tại cũng đang không ở nhà, đi làm ở xa, chỉ có một mình bà B ở nhà và trông nom, nuôi dưỡng cháu Lù Thị Ngọc L – con gái ruột của chị N và anh Th. Từ khi anh Th, chị N đi làm xa mỗi người một nơi, một công việc khác nhau, hai người không chung sống cùng nhau được khoảng 04 (*Bốn*) đến 05 (*Năm*) năm nay, còn việc hai người có liên lạc với nhau hay không thì bà B không biết, thời gian anh Th ở nhà bà B không thấy vợ chồng anh chị liên lạc trao đổi hỏi thăm quan tâm gì đến nhau. Hiện tại anh Th liên lạc về chỉ hỏi thăm bố anh Th, bà B và con của anh Th chứ không thấy nói gì về chị N. Còn bản thân chị N từ khi đi làm xa đến nay chưa quay trở về nhà thăm con cái lần nào và không thấy gọi điện cho bà B để hỏi thăm sức khỏe của anh Th. Việc chăm sóc nuôi dưỡng

cháu L từ trước đến nay bà B không có yêu cầu đề nghị gì. Trường hợp anh Th, chị N ly hôn bà B đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế và các quy định của pháp luật để giải quyết việc ly hôn giữa anh Th và chị N. Về con chung bà B có đề nghị giao con cho anh Th được nuôi dưỡng, bà B sẽ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L để đảm bảo cho cháu L có điều kiện sinh sống, học tập tốt nhất.

Theo bà B cho biết thì bình thường anh Th có liên lạc với bà B, tuy nhiên thông tin địa chỉ nơi sinh sống và làm việc thì anh Th không nói lại cho bà B biết được. Ngay sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tuyên Quang bà đã gọi điện thoại báo cho anh Th để anh nắm được, còn anh Th không có ý kiến gì phản hồi lại với bà B.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Đề nghị Tòa án tuyên xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N. Đề nghị xử cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Lù Văn Th. Về con chung: Giao cho anh Lù Văn Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lù Thị Ngọc L cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nông Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Nông Thị N có đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với bị đơn anh Lù Văn Th, anh Th có hộ khẩu thường trú tại thôn Tả Chải, xã T1, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tuyên Quang.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

[3] Nguyên đơn chị Nông Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do hiện nay do chị N đi làm ăn xa nhà, điều kiện đi lại khó khăn và đặc thù công việc không xin nghỉ được để về tham gia phiên tòa theo thời gian mà Tòa án đã ấn định, nên chị N xin phép được vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án.

[4] Đối với bị đơn anh Lù Văn Th: Anh Th hiện nay không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho nguyên đơn biết được coi là cố tình dấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS. Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tuyên Quang đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lù Thị B: Quá trình giải quyết vụ án, bà B đã có lời khai ở trong hồ sơ vụ án. Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng bà B vẫn vắng mặt không có lý do.

[6] Từ những căn cứ nêu trên HĐXX căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nông Thị N, bị đơn anh Lù Văn Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lù Thị B.

[7] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các lời khai của nguyên đơn chị Nông Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lù Thị B và các biên bản xác minh với đại diện chính quyền thôn, hàng xóm sinh sống gần nhà bà B nơi anh Th, chị N cư trú thấy rằng: Sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2021 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và chung sống hạnh phúc với nhau tại nhà bà Lù Thị B, được khoảng 01 (Một) năm sau chị N đi làm ăn xa từ đó đến nay không trở về địa phương lần nào nữa, còn anh Th đến đầu năm 2025 đã rời khỏi nơi cư trú đi làm xa, mỗi người một nơi, không quay trở về sinh sống vun đắp hạnh phúc gia đình. Xét thấy vợ chồng chị N, anh Th đã sống ly thân nhau mà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; người nào biết bổn phận của người đó, không có sự liên lạc, vun đắp, chia sẻ cùng nhau. Như vậy là cả hai vợ chồng đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Lù Văn Th là có cơ sở.

[8] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị N, anh Th có 01 (Một) con chung là cháu Lù Thị Ngọc L, sinh ngày 30/9/2019. Qua xác minh chính quyền thôn nơi cháu đang sinh sống và cô giáo chủ nhiệm lớp cháu L thì hiện nay cháu L đang ở cùng bà Lù Thị B, do bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu, đưa đón cháu L đi học đúng giờ, có chuẩn bị đồ dùng học tập, trang phục cho cháu L trước khi lên lớp. Anh Th mặc dù đang đi làm xa nhà nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với bà B và cô giáo chủ nhiệm hỏi thăm tình hình cháu L và thực hiện nghĩa

vụ đóng các khoản quỹ, phí của cháu L cho nhà trường đầy đủ. Chị N từ khi đi làm xa không trở về nhà thăm nom, chăm sóc con cái lần nào. Hội đồng xét xử xét thấy, việc cháu L tiếp tục sinh sống cùng bà nội là bà Lù Thị B như hiện nay đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu. Do đó, để quyền và lợi ích hợp pháp của cháu L được bảo đảm, cần tạm giao cháu Lù Thị Ngọc L cho bà Lù Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh Lù Văn Th trở về địa phương. Chị Nông Thị N được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị N có đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung, phía bà B có ý kiến nhất trí thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Lù Thị Ngọc L thay cho anh Th mà không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy ý kiến đề nghị của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được HĐXX ghi nhận.

[10] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Các bên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[11] Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[12] Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm a khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N; xử cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Lù Văn Th.

2. Về con chung: Giao cho anh Lù Văn Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lù Thị Ngọc L, sinh ngày 30/9/2019 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Hiện nay anh Lù Văn Th đang đi làm xa nhà, tạm giao cháu Lù Thị Ngọc L cho bà Lù Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi anh Lù Văn Th trở về địa phương.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai số 0004391 ngày 27/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang), đã thi hành xong.

Bị đơn anh Lù Văn Th không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị N, anh Lù Văn Th và bà Lù Thị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 6 – Tuyên Quang;
- UBND xã T1, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh